

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA.**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ- TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thuởng  
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo .

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXX- ST ngày 19 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa:

**Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997**

**Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hiệp, sinh năm 1994.**

Cùng HKTT: Đường B, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H; Vắng mặt anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2017 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2020, chị Huệ và con trai đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở còn anh H vẫn ở nhà bố mẹ đẻ ở phường Đ, thành phố H. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải

thiện. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, nên đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 05/9/2018. Nguyên vọng của chị H khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là 02 cây vàng trị giá 107.000.000đ do anh Hiệp đang cất giữ. Nguyên vọng của chị H khi ly hôn được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị H xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập anh H đến Toà án để tự khai cũng như tham gia phiên họp và hoà giải. Mặc dù được giao các thông báo hợp lệ nhưng anh H từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh H cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H.

Toà án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Sau khi kết hôn, anh H và chị H chung sống cùng gia đình nhà chồng tại phường Đ, thành phố H. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện tại anh H vẫn sinh sống tại địa phương cùng với bố mẹ đẻ. Còn chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện Th sinh sống. Nay chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng anh H không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28,35,39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối anh Nguyễn Văn H. Giao cháu Nguyễn Văn Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp nuôi con chung; Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án, nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị H và anh H đã không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau; Vợ chồng đã sống ly thân và hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị Huệ nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần đề hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh H không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 05/9/2018. Nguyên vọng của chị H khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Anh H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Hiện nay cháu Kh còn nhỏ và đang ở với chị H, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Kh từ trước đến nay. Chị H làm nghề lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định, nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Khoa.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con...*”.

Do đó, theo quy định của pháp luật và cũng để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt của cháu Kh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị

H; Về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị H rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 05/9/2018.

Giao cháu Nguyễn Văn Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị H.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001565 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.337.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001564 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ ;
- Lưu hồ sơ .

*Đã ký*

**Trương Thị Anh**

